

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2022/HS-ST
Ngày 18-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quý;
Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Lệ Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 260/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M - sinh năm 1989 tại T; Nơi cư trú: Số nhà 03/29/421 Hàm Nghi, phường Đ, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T1; chồng là Trần Văn H và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Năm 2013, Công an phường N, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/4/2022 đến ngày 23/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14h55' ngày 17/4/2022, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố T làm nhiệm vụ trước số nhà 30A Phạm Sư Mạnh, phường N, thành phố T phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị M, sinh năm 1989, trú tại số nhà 03/29/421 Hàm Nghi, phường Đ, thành phố T có hành vi cất giấu trong túi áo khoác

01 túi nilong màu trắng viền đỏ, kích thước khoảng (2,5x5)cm, bên trong có 02 túi nilong màu trắng viền xanh, kích thước mỗi gói khoảng (1x1)cm đều chứa các hạt tinh thể màu trắng. M khai nhận là 02 gói ma túy đá, M cất giấu với mục đích sử dụng

Về nguồn gốc số ma túy trên, M khai nhận do có nhu cầu sử dụng ma túy nên chiều ngày 14/4/2022, M một mình đi đến khu vực đường Trần Hưng Đạo, phường N, thành phố T tìm mua ma túy. Tại đây M gặp và mua được 02 gói ma túy đá với giá 400.000đ của một người phụ nữ khoảng hơn 40 tuổi, M không biết tên và địa chỉ. Sau khi mua được ma túy, M mang về nhà cất giữ nhưng chưa sử dụng vì nhà có con nhỏ. Đến chiều ngày 17/4/2022, khi đang cất giấu 02 gói ma túy trong người để tìm nơi sử dụng thì bị công an phát hiện, thu giữ.

Đối với người phụ nữ mà M khai đã bán ma túy cho M tại khu vực đầu đường Trần Hưng Đạo, phường N, TP. T vào ngày 14/4/2022. Do M không biết tên, địa chỉ của người này, ngoài lời khai của M, không có thêm tài liệu, chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, xử lý.

Kết luận giám định số 1451/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,375g (không phẩy ba bảy lăm gam) loại: Methamphetamine.

Vật chứng: Số ma túy hoàn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T đã được chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T chờ xử lý theo quy định.

Cáo trạng số 209/Ctr-VKS ngày 18/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo M từ 13 đến 15 tháng tù.

Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc

khieu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14h55' ngày 17/4/2022, trước số nhà 30A Phạm Sư Mạnh, phường N, thành phố T, Nguyễn Thị M đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,375g (không phẩy ba bảy lăm gam) loại: Methamphetamine thì bị Công an thành phố T phát hiện và bắt quả tang

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đang là nguyên nhân làm suy thoái kinh tế, là hiểm họa cho toàn xã hội, là một trong những tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS và làm gia tăng các loại tội phạm khác. Xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Do bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, không có tính chất vụ lợi nên không cần phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Số ma túy hoàn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, kèm chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trần Đăng là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt Nguyễn Thị M 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/4/2022 đến ngày 23/4/2022)

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ma túy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh T, có hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, kèm chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trần Đăng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, theo biên bản giao nhận vật chứng số 162/2022/THA ngày 21/7/2022 giữa Công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh